Mười năm Hợp tác Lancang – Mekong: Tham vọng chiến lược của Trung Quốc và cái giá phải trả của các nước hạ nguồn

Phạm Phan Long

22-7-2026

Lời dẫn: *Sau mười năm hoạt động, Cơ chế Hợp tác Lancang – Mekong (LMC) do Trung Quốc khởi xướng đã bộc lộ rõ sự mất cân đối trong quan hệ giữa các bên. Dù mang lại một số dự án hạ tầng và thúc đẩy thương mại, cơ chế này cũng khiến các nước hạ nguồn ngày càng lệ thuộc vào Trung Quốc về vốn, thị trường và chuỗi cung ứng. Thêm vào đó là những rủi ro ngày càng lớn đối với an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, môi trường và thậm chí cả chủ quyền quốc gia.*

Với lợi thế kiểm soát toàn bộ thượng nguồn sông Mekong, Trung Quốc nắm trong tay đòn bẩy quan trọng để tác động đến dòng chảy, đầu tư và thương mại trong khu vực. Trong khi đó, các nước hạ nguồn ngày càng rơi vào thế phụ thuộc: Thâm hụt thương mại gia tăng, nợ công chồng chất, ô nhiễm xuyên biên giới khó kiểm soát và dư địa cho các quyết sách chiến lược độc lập ngày càng bị thu hẹp. Không ít nhà quan sát cho rằng, các nước này đang có nguy cơ trở thành những "chư hầu kinh tế" của Bắc Kinh.

Bên cạnh đó, các hoạt động của Trung Quốc trên Biển Đông – từ việc đơn phương tuyên bố chủ quyền đối với phần lớn vùng biển, xây dựng và quân sự hóa các thực thể tranh chấp, đến những vụ tấn công tàu thuyền của các nước khác – đã làm gia tăng căng thẳng trong khu vực. Việc Bắc Kinh bác bỏ phán quyết của Tòa Trọng tài năm 2016 và tiếp tục theo đuổi các yêu sách bị nhiều nước phản đối, cũng khiến niềm tin của các nước trong khu vực đối với Trung Quốc bị suy giảm đáng kể.

Bài viết sau đây sẽ đánh giá toàn diện mười năm hoạt động của Cơ chế Hợp tác Lancang – Mekong (LMC), phân tích những thách thức mà Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam đang đối mặt, đồng thời đề xuất một số hướng cải tổ nhằm bảo vệ lợi ích lâu dài của các nước hạ nguồn. Từ những diễn biến trên sông Mekong đến các hành động trên Biển Đông, nhiều nhà phân tích cho rằng LMC không chỉ là một khuôn khổ hợp tác kinh tế, mà còn là công cụ để Bắc Kinh mở rộng ảnh hưởng chiến lược trong khu vực.

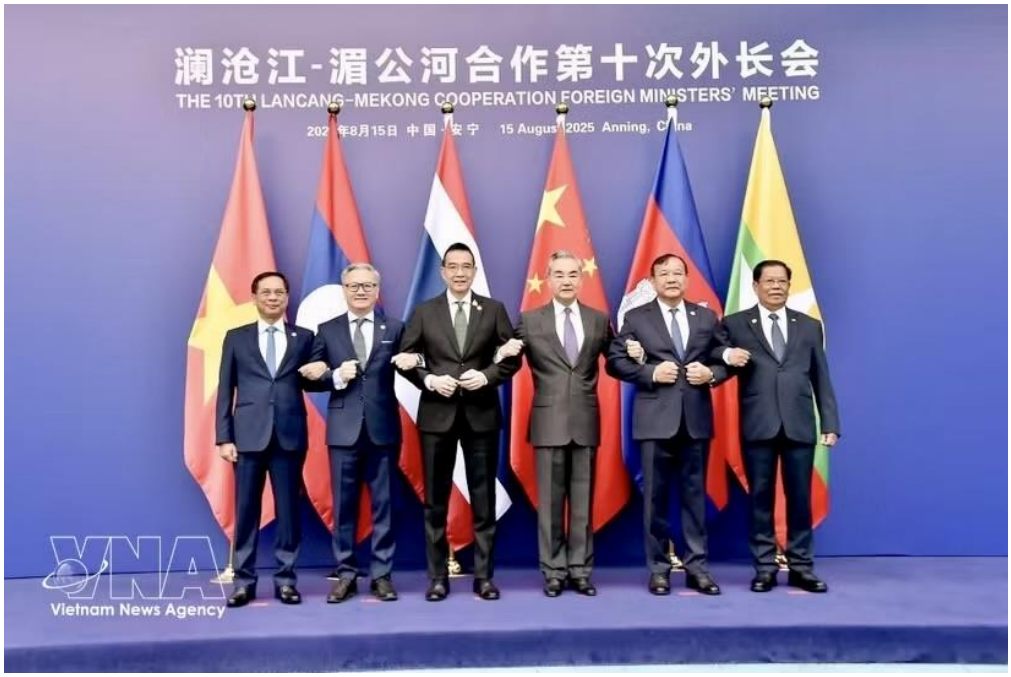

Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 10 tại Vân Nam, Trung Quốc, ngày 15 tháng 8 năm 2025

Thương mại mất cân bằng và sự lệ thuộc kinh tế

Trung Quốc coi thương mại là một trong những thành tựu nổi bật của Cơ chế Hợp tác Lancang – Mekong (LMC), với tổng kim ngạch giữa Trung Quốc và năm quốc gia hạ nguồn đạt khoảng 500 tỷ USD trong năm 2025. Tuy nhiên, đằng sau con số ấn tượng đó là một thực tế đáng lo ngại: Lợi ích từ thương mại không được phân bổ đồng đều. Chỉ trong năm 2025, Việt Nam đã ghi nhận mức thâm hụt thương mại với Trung Quốc lên tới 115,6 tỷ USD, trong khi Campuchia và Thái Lan cũng chịu mức nhập siêu rất lớn.

Nguyên nhân nằm ở cơ cấu thương mại thiếu cân đối. Các nước hạ nguồn chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô và nông sản có giá trị gia tăng thấp, nhưng lại nhập khẩu máy móc, thiết bị và hàng công nghiệp có giá trị cao từ Trung Quốc. Điều này khiến họ khó tham gia vào các khâu mang lại lợi nhuận lớn hơn trong chuỗi cung ứng, đồng thời ngày càng phụ thuộc vào thị trường và năng lực sản xuất của Trung Quốc.

Sự lệ thuộc còn thể hiện qua các dự án hạ tầng quy mô lớn được tài trợ bằng vốn vay. Tại Lào, tuyến đường sắt Trung Quốc – Lào cùng nhiều dự án liên quan đã góp phần đẩy nợ công lên trên 100% GDP, trong đó phần lớn là các khoản nợ đối với các chủ nợ Trung Quốc. Khi gánh nặng nợ gia tăng, khả năng tự chủ về chính sách tài khóa và phát triển của các nước vay vốn cũng bị thu hẹp, làm sâu sắc thêm sự phụ thuộc kinh tế vào Bắc Kinh.

Khai thác tài nguyên và những hệ lụy môi trường xuyên biên giới

Bên cạnh hạ tầng và thương mại, LMC cũng tạo điều kiện để các doanh nghiệp Trung Quốc mở rộng hoạt động khai thác tài nguyên trong lưu vực Mekong. Đáng chú ý nhất là các dự án khai thác đất hiếm và vàng tại Lào và Myanmar. Theo bảng dữ liệu tương tác của Trung tâm Stimson, hiện có khoảng 2.699 điểm khai thác mỏ chưa được kiểm soát nằm dọc các con sông và phụ lưu đổ vào hệ thống Mekong, đặt ra những rủi ro nghiêm trọng đối với môi trường và nguồn nước của cả khu vực.

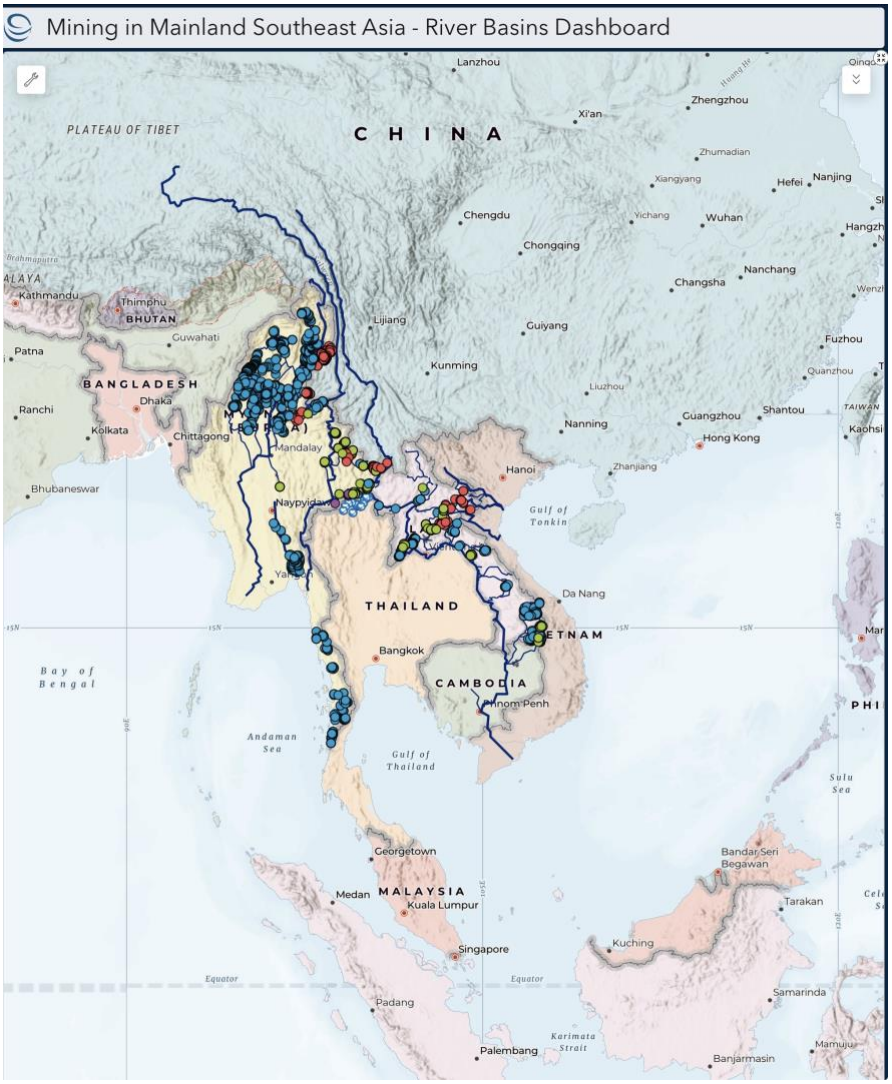

Hình 1: Các mỏ đất hiếm ở Đông Nam Á lục địa tính đến ngày 17-7-2026. Nguồn: Trung tâm Stimson

Hệ quả rõ nhất là tình trạng ô nhiễm nguồn nước xuyên biên giới. Tại vùng Tam giác Vàng của Myanmar, nhiều mỏ đất hiếm sử dụng phương pháp khai thác tại chỗ, bơm nước cùng các hóa

chất độc hại như asen, xyanua, thủy ngân, cadmium và mangan vào lòng đất để tách quặng. Nước thải sau khai thác thường không được xử lý đầy đủ mà chảy vào các sông Kok, Sai và Ruak trước khi đổ vào sông Mekong.

Tại Lào, các dự án khai thác do doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư cũng đang mở rộng sang nhiều phụ lưu của sông Mekong. Một số nghiên cứu còn phát hiện dấu vết asen trong nguồn nước tại Lào có liên quan đến các khu mỏ ở Myanmar. Tình trạng xả thải kim loại nặng đang đe dọa chất lượng nước, sản xuất nông nghiệp, nguồn lợi thủy sản và sức khỏe cộng đồng tại Lào, Thái Lan, Việt Nam cũng như các nước khác ở hạ lưu.

Đối với Việt Nam, nguy cơ càng trở nên đáng lo ngại khi nhiều khu khai thác nằm ngay gần các lưu vực sông xuyên biên giới. Tại Lào hiện có ít nhất 12 mỏ nằm gần thượng nguồn sông Mã, sông Chu và sông Lam – những con sông chảy trực tiếp vào các tỉnh đông dân ở miền Trung và Bắc Trung Bộ Việt Nam. Tháng 2 năm 2024, một vụ rò rỉ hóa chất tại mỏ đất hiếm lớn nhất tỉnh Houaphanh đã làm hóa chất tràn vào sông Nam Sam, gây hiện tượng cá chết hàng loạt, khiến nguồn nước không còn an toàn để sử dụng và ảnh hưởng đến nhiều cộng đồng dân cư ở Lào. Sự cố này cũng gióng lên hồi chuông cảnh báo về nguy cơ ô nhiễm lan truyền xuống các lưu vực hạ nguồn trên lãnh thổ Việt Nam.

Sự áp đảo của Trung Quốc trong phát triển thủy điện

Ưu thế lớn nhất của Trung Quốc trong lưu vực Mekong nằm ở việc kiểm soát toàn bộ phần thượng nguồn của con sông. Trên đoạn sông Lancang thuộc lãnh thổ Trung Quốc, Bắc Kinh đã xây dựng hoặc đưa vào vận hành 12 đập thủy điện lớn với tổng công suất lắp đặt hơn 21.000 MW. Hệ thống này không chỉ tạo ra nguồn điện khổng lồ, mà còn cho phép Trung Quốc điều tiết đáng kể lượng nước và phù sa chảy xuống các nước hạ nguồn.

Trong khi đó, năm quốc gia hạ nguồn hiện có khoảng 88 nhà máy thủy điện đang vận hành với tổng công suất lắp đặt khoảng 13.257 MW. Mặc dù số lượng công trình nhiều hơn, tổng công suất vẫn thấp hơn đáng kể so với hệ thống đập trên thượng nguồn của Trung Quốc. Quan trọng hơn, các đập ở hạ lưu không thể bù đắp lợi thế địa lý của Bắc Kinh, bởi nước và phù sa đều phải đi qua các hồ chứa của Trung Quốc trước khi chảy đến phần còn lại của lưu vực. Điều này tạo cho Trung Quốc một vị thế có ảnh hưởng vượt trội đối với toàn bộ hệ thống sông Mekong.

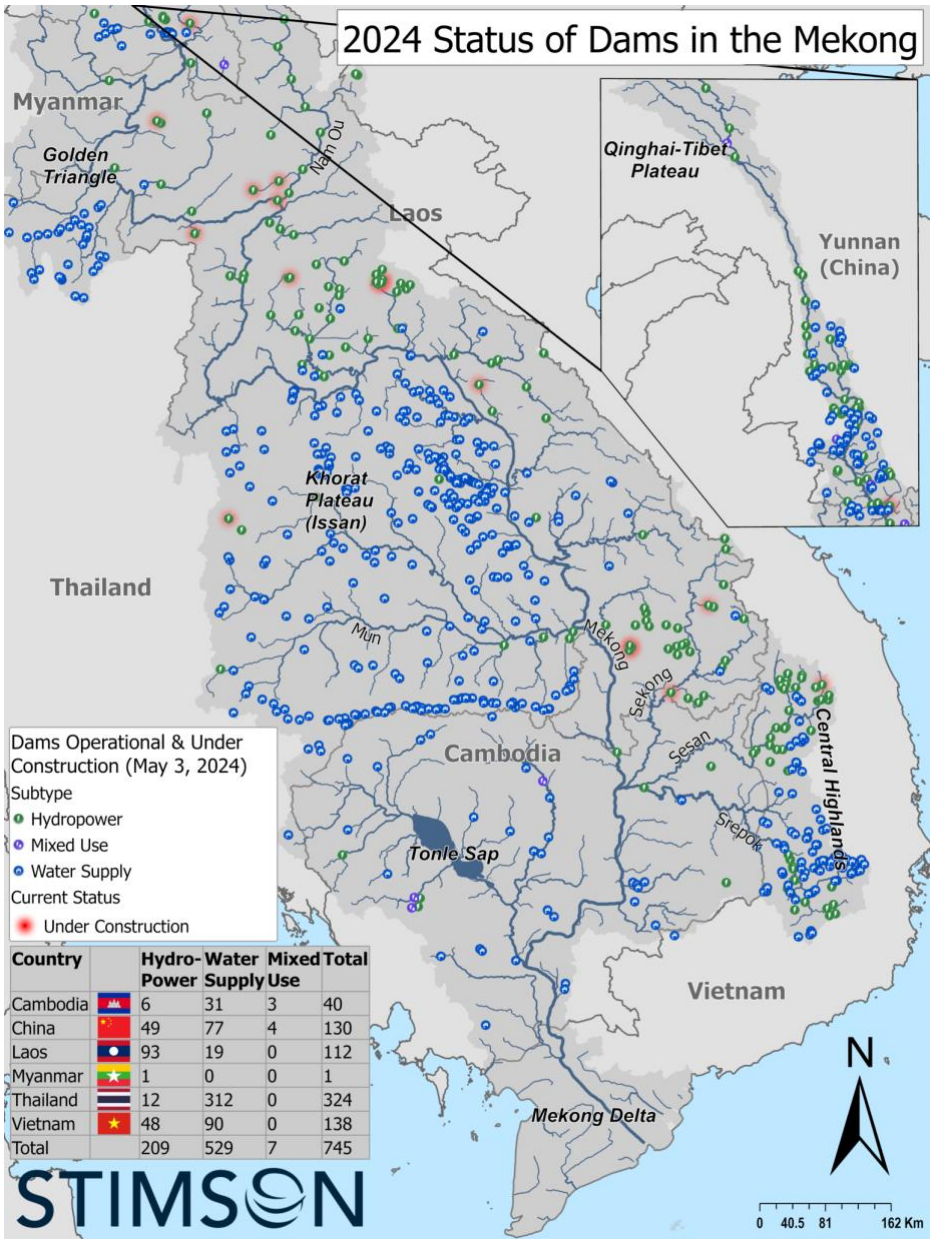

Country		Hydro-Power	Water Supply	Mixed Use	Total
Cambodia		6	31	3	40
China		49	77	4	130
Laos		93	19	0	112
Myanmar		1	0	0	1
Thailand		12	312	0	324
Vietnam		48	90	0	138
Total		209	529	7	745

Hình 2: Tình trạng các con đập trên sông Lancang-Mekong. Nguồn: Trung tâm Stimson

Các tác động đối với môi trường ngày càng rõ nét. Việc các hồ chứa giữ lại lượng lớn phù sa làm lượng trầm tích chảy về hạ lưu suy giảm mạnh; tại nhiều đoạn sông, lượng phù sa đã giảm hơn 50%. Hệ quả là đất nông nghiệp mất dần nguồn bồi đắp tự nhiên, xói lở bờ sông gia tăng, hệ sinh thái thủy sinh bị suy thoái, trong khi Đồng bằng Sông Cửu Long của Việt Nam phải đối mặt với tình trạng sụt lún, xâm nhập mặn và suy giảm nguồn lợi thủy sản.

Tác động nghiêm trọng đối với Hồ Tonlé Sap và Đồng bằng sông Mekong

Những hệ quả rõ rệt nhất của sự thay đổi dòng chảy Mekong đang thể hiện ở hai hệ sinh thái quan trọng bậc nhất của khu vực: Hồ Tonlé Sap của Campuchia và Đồng bằng sông Mekong của Việt Nam.

Hồ Tonlé Sap – hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á, đồng thời là Khu dự trữ sinh quyển của UNESCO – phụ thuộc vào chu kỳ nước tự nhiên của sông Mekong để duy trì hệ sinh thái đặc biệt của mình. Tuy nhiên, sự suy giảm lượng phù sa và những thay đổi trong dòng chảy đã làm thu hẹp diện tích ngập theo mùa, ảnh hưởng đến môi trường sinh sản của các loài thủy sản và làm giảm năng suất đánh bắt. Hồ Tonlé Sap hiện vẫn là nguồn sinh kế của hơn 1,5 triệu người và cung cấp khoảng 60–70% sản lượng cá nội địa của Campuchia. Vì vậy, sự suy thoái của hồ không chỉ là vấn đề môi trường mà còn là mối đe dọa trực tiếp đối với thu nhập, sinh kế và an ninh lương thực của hàng triệu người.

Tại Việt Nam, Đồng bằng sông Cửu Long – một trong những vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng nhất thế giới, nơi sinh sống của gần 20 triệu người – đang đứng trước những thách thức ngày càng nghiêm trọng. Việc suy giảm phù sa từ thượng nguồn làm gia tăng xói lở bờ sông, bờ biển và thúc đẩy quá trình sụt lún đất; một số khu vực đang bị lún vài centimet mỗi năm. Cùng với nước biển dâng, những thay đổi này làm gia tăng xâm nhập mặn, ảnh hưởng đến sản xuất lúa gạo, nuôi trồng thủy sản và đe dọa sinh kế của hàng triệu cư dân. Những tổn thất kinh tế đối với nông nghiệp và thủy sản của đồng bằng được ước tính lên đến hàng trăm triệu USD mỗi năm, đồng thời đặt ra thách thức lớn đối với an ninh lương thực và năng lực xuất khẩu của Việt Nam.

Sự đảo lộn chu kỳ thủy văn và nguy cơ khí hậu gia tăng

Không chỉ làm thay đổi lượng nước và phù sa, hệ thống đập trên dòng Mekong còn tác động đến nhịp điệu thủy văn vốn được hình thành qua hàng ngàn năm. Việc điều tiết dòng chảy nhân tạo có thể làm giảm lũ tự nhiên vào mùa mưa, vốn đóng vai trò quan trọng trong việc bồi đắp đất đai, đồng thời làm thay đổi nguồn nước vào mùa khô. Sự xáo trộn này ảnh hưởng trực tiếp đến chu kỳ canh tác, hoạt động đánh bắt truyền thống và khả năng thích ứng của các cộng đồng ven sông, vốn đã chịu nhiều áp lực từ biến đổi khí hậu.

Một lựa chọn chiến lược cho Trung Quốc

Mặc dù Trung Quốc đã mở rộng đáng kể ảnh hưởng kinh tế và chiến lược tại khu vực Mekong, vai trò của Bắc Kinh cũng ngày càng đối mặt với nhiều hoài nghi và phản ứng từ các nước trong khu vực.

Việt Nam là một ví dụ điển hình về chiến lược đa dạng hóa quan hệ nhằm giảm sự phụ thuộc vào một đối tác duy nhất. Hà Nội tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Liên minh châu Âu, đồng thời thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn và sản xuất. Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu theo mô hình “China+1” cũng mở ra thêm nhiều lựa chọn kinh tế cho các quốc gia Đông Nam Á. Nhật Bản cũng đang

thúc đẩy một mô hình phát triển hạ tầng chú trọng tính bền vững, minh bạch và khả năng trả nợ, tạo ra một lựa chọn khác bên cạnh các dự án do Trung Quốc dẫn dắt.

Tại Myanmar, tình trạng bất ổn chính trị và xung đột kéo dài đã làm đình trệ nhiều dự án trong khuôn khổ Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), đồng thời làm gia tăng những rủi ro an ninh đối với các khoản đầu tư của Trung Quốc. Những tranh cãi về tác động môi trường, gánh nặng nợ và tính minh bạch của các dự án cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh của Bắc Kinh trong khu vực.

Ngoài vấn đề Mekong, các tranh chấp trên Biển Đông tiếp tục làm gia tăng sự nghi ngờ của nhiều quốc gia đối với Trung Quốc. Những yêu sách chủ quyền gây tranh cãi, hoạt động xây dựng và quân sự hóa các thực thể trên biển, cùng các vụ va chạm với tàu thuyền của những nước khác, bất chấp phán quyết của Tòa Trọng tài năm 2016 và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, đã khiến nhiều nước đặt câu hỏi về mức độ đáng tin cậy trong các cam kết hợp tác của Bắc Kinh.

Điều này cũng làm dấy lên lo ngại rằng những khẩu hiệu như "hợp tác cùng thắng" trong khuôn khổ LMC có thể bị nhìn nhận không chỉ như một sáng kiến kinh tế, mà còn như một công cụ nhằm mở rộng ảnh hưởng chiến lược của Trung Quốc trong khu vực.

Trước thực tế đó, Trung Quốc đang đứng trước một lựa chọn quan trọng. Mô hình hiện nay đã giúp Bắc Kinh gia tăng ảnh hưởng, nhưng đồng thời cũng tạo ra tâm lý dè chừng và phản ứng ngày càng lớn từ các nước láng giềng. Một cách tiếp cận mới – dựa trên sự minh bạch hơn trong quản lý nguồn nước, kiểm soát nghiêm ngặt tác động môi trường của các dự án khai thác, tăng cường cơ chế hợp tác ứng phó lũ lụt và hạn hán, cũng như chia sẻ trách nhiệm trong bảo đảm an ninh lương thực – sẽ giúp Trung Quốc xây dựng ảnh hưởng bền vững hơn.

Một khu vực Mekong ổn định, thịnh vượng và tin tưởng lẫn nhau sẽ mang lại lợi ích lâu dài cho tất cả các nước, trong đó Trung Quốc có thể đóng vai trò của một đối tác có trách nhiệm, thay vì một cường quốc bị nhìn nhận chủ yếu thông qua quyền lực và sự kiểm soát.

Lời cảnh báo đối với các nước hạ nguồn

Đối với Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam, mười năm hoạt động của Cơ chế Hợp tác Lancang – Mekong (LMC) mang đến nhiều bài học quan trọng. Những lợi ích về hạ tầng và thương mại cần được nhìn nhận cùng với các chi phí ngày càng gia tăng đối với an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, môi trường, nợ công và dư địa tự chủ trong hoạch định chính sách.

Trong bối cảnh đó, các nước hạ nguồn cần tăng cường phối hợp để bảo vệ những lợi ích chung của lưu vực Mekong, đồng thời thúc đẩy cải cách nhằm nâng cao tính minh bạch, công bằng và trách nhiệm trong khuôn khổ LMC. Song song đó, việc đa dạng hóa quan hệ kinh tế và chiến lược với các đối tác như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Ấn Độ và Liên minh châu Âu sẽ giúp giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào bất kỳ một cường quốc nào, đồng thời mở rộng thêm các lựa chọn cho phát triển bền vững.

Những diễn biến trên Biển Đông cũng cho thấy lòng tin chiến lược không thể chỉ được xây dựng bằng các cam kết kinh tế. Muốn trở thành một đối tác lâu dài và đáng tin cậy, mọi quốc gia đều cần chứng minh bằng việc tôn trọng luật pháp quốc tế, các chuẩn mực chung và lợi ích chính đáng của các nước láng giềng.

Kết luận

Sau mười năm, Cơ chế Hợp tác Lancang – Mekong đã giúp Trung Quốc mở rộng đáng kể ảnh hưởng kinh tế và chiến lược trong khu vực. Tuy nhiên, những tranh cãi về sự mất cân bằng lợi ích, gánh nặng nợ, tác động môi trường và các vấn đề an ninh khu vực cũng đang làm suy giảm niềm tin đối với sáng kiến này.

Tương lai của LMC sẽ phụ thuộc vào việc liệu cơ chế này có thể chuyển từ một mô hình chủ yếu phục vụ lợi ích của một bên sang một khuôn khổ hợp tác thật sự bình đẳng, minh bạch và cùng có lợi hay không. Điều đó đòi hỏi Trung Quốc phải thể hiện thiện chí bằng những thay đổi cụ thể trong quản lý nguồn nước, bảo vệ môi trường, chia sẻ dữ liệu thủy văn, xử lý các dự án có rủi ro cao và tôn trọng luật pháp quốc tế.

Nếu những cải cách đó được thực hiện, LMC vẫn có thể trở thành một nền tảng hợp tác quan trọng cho sự phát triển của lưu vực Mekong. Ngược lại, nếu các mâu thuẫn và bất cân xứng hiện nay tiếp tục kéo dài, sáng kiến này sẽ khó tránh khỏi nguy cơ bị nhìn nhận như một bài học về việc theo đuổi lợi ích ngắn hạn với cái giá là lòng tin và sự ổn định lâu dài của cả khu vực.

Tham khảo:

- Thương mại và thâm hụt Việt Nam: Thống kê chính thức Việt Nam và Trung Quốc (2025-2026)

- Địa điểm khai thác mỏ của Trung tâm Stimson: Bảng điều khiển khai thác mỏ Mekong của Trung tâm Stimson

- Số lượng và công suất đập: Dữ liệu MRC và Trung tâm Stimson

- Giảm trầm tích: Nghiên cứu của Ủy hội sông Mekong và Kondolf et al.